

Số: *44* / QĐ-UBND

Long Thành, ngày *04* tháng *8* năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

V/v phê duyệt bổ sung dự toán cho các đơn vị khối huyện và UBND các xã, thị trấn năm 2020 (đợt 1)

CHỦ TỊCH UBND HUYỆN LONG THÀNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 15/7/2020 của HĐND huyện về việc điều chỉnh, bổ sung dự toán thu – chi ngân sách địa phương năm 2020 (đợt 1);

Xét đề nghị của phòng Tài chính – Kế hoạch huyện tại Tờ trình số 352/TTr-TCKH ngày 27/7/2020,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt bổ sung kinh phí cho các cơ quan, đơn vị khối huyện và UBND các xã, thị trấn năm 2020 (đợt 1) với tổng số tiền là **181.538.668.000 đồng (Một trăm tám mươi một tỷ, năm trăm ba mươi tám triệu, sáu trăm sáu mươi tám ngàn đồng).**

(Chi tiết tại Tờ trình số 352/TTr-TCKH ngày 27/7/20120 của phòng Tài chính – Kế hoạch huyện).

Nguồn kinh phí thực hiện: từ nguồn ngân sách huyện năm 2020.

Điều 2. Thủ trưởng các cơ quan đơn vị, Chủ tịch UBND các xã, thị trấn được bổ sung kinh phí có trách nhiệm tổ chức, sử dụng nguồn kinh phí nêu trên đúng mục đích; thanh quyết toán đúng theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND – UBND huyện, Trưởng phòng Tài chính – Kế hoạch huyện, Giám đốc Kho bạc Nhà nước Long Thành và Thủ trưởng các cơ quan đơn vị liên quan, Chủ tịch UBND các xã, thị trấn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký. *th*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Phó VP UBND huyện (KT);
- Lưu: VT-KT (Khâm).



CHỦ TỊCH

Võ Tấn Đức

UBND HUYỆN LONG THÀNH
PHÒNG TÀI CHÍNH KẾ HOẠCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 352 /TTr-TCKH

Long Thành, ngày 27 tháng 07 năm 2020

TỜ TRÌNH

Về việc bổ sung dự toán cho các đơn vị khối huyện
và UBND các xã, thị trấn năm 2020 (đợt 1).

Thực hiện Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 15/07/2020 của HĐND huyện Long Thành về việc điều chỉnh, bổ sung dự toán thu - chi ngân sách địa phương năm 2020 (đợt 1).

Phòng Tài chính Kế hoạch huyện Long Thành kính trình Ủy ban nhân dân huyện xem xét phê duyệt bổ sung kinh phí cho các đơn vị khối huyện và UBND các xã, thị trấn, với tổng số tiền: **181.538.668.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm tám mươi một tỷ năm trăm ba mươi tám triệu sáu trăm sáu mươi tám ngàn đồng)**, đính kèm phụ lục I,II.

Kính trình Ủy Ban nhân dân huyện xem xét phê duyệt.

Nơi nhận:

- UBND huyện;
- Lưu VT (P).

**KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**



Nguyễn Nhật Tuấn Khanh

Phụ lục I

BỔ SUNG DƯ TRẦN CHI NGÂN SÁCH HUYỆN LONG THÀNH NĂM 2020 (ĐỢT 1)

(Đính kèm Tài chính số 35/TT-TCKH ngày 13 tháng 07 năm 2020 của phòng Tài chính Kế hoạch).

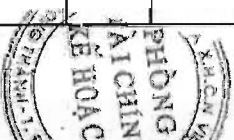


DVT: đồng

STT	ĐƠN VỊ	NỘI DUNG	SỐ TIỀN	GHI CHÚ
1	QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC		8.801.344.259	
		Cộng:	225.368.616	
1	VP UBND-UBND	Kinh phí tổ chức Đại hội Đảng bộ khối kinh tế 2020-2025	126.050.000	
		Trợ cấp thời việc	55.846.616	
		Hỗ trợ CBCC lãnh đạo, quản lý được luân chuyển, điều động	43.472.000	
		Cộng:	1.510.650.000	
2	Phòng Nội vụ	Kinh phí thuê xe kiểm tra; tổ chức hội nghị sơ kết, tổng kết; photocopy hồ sơ công tác CCHC	69.980.000	
		Kinh phí khen thưởng 06 tháng cuối năm 2020	1.000.000.000	
		Kinh phí tổ chức hội nghị điển hình tiên tiến	400.670.000	
		Kinh phí cho cho công tác tôn giáo	40.000.000	
		Cộng:	162.130.000	
3	Phòng Kinh tế	Bổ sung kinh phí thuê xe công tác theo ủy nhiệm UBND huyện	19.800.000	
		Kinh phí tổ chức hội nghị tuyên dương người nộp thuế	25.130.000	
		Kinh phí thực hiện xây dựng các điểm kinh doanh thực phẩm an toàn theo chuỗi tại chợ	117.200.000	
		Cộng:	1.855.275.000	
4	Phòng Tài nguyên Môi trường	Kinh phí thực hiện phương án quản lý và khai thác quỹ đất công trên địa bàn huyện Long Thành	1.800.000.000	
		Thuế xe đi hợp theo ủy nhiệm của UBND huyện	55.275.000	
		Cộng:	1.124.439.120	
5	Phòng Lao động-TBXH	Trang bị phần mềm quản lý an sinh xã hội	30.000.000	

STT	ĐƠN VỊ	NỘI DUNG	SỐ TIỀN	GHI CHÚ
		Chính lý tài liệu từ năm 2019 trở về trước	1.094.439.120	
		Cộng:	6.600.000	
6	Phòng VH-TT	Kinh phí đội KTLN 814 quý 1,2/2020	6.600.000	
		Cộng:	836.382.000	
		Thuế xe theo ủy nhiệm của UBND huyện	22.400.000	
		Hỗ trợ kinh phí vì phạm trật tự lĩnh vực xây dựng	113.982.000	
7	Phòng Quản lý đô thị	Kinh phí thực hiện đề án cấp nước huyện LT	200.000.000	
		Kinh phí thực hiện quy hoạch xây dựng vùng huyện LT	500.000.000	
		Cộng:	165.874.000	
		Kinh phí tổ chức Đại hội Đảng bộ khối văn hoá xã hội 2020-2025	95.100.000	
8	Phòng Y tế	Kinh phí tiền lương bà Châu Vũ Kim Thủy từ 01/2020-12/2020	5.274.000	
		Kinh phí hỗ trợ cho hoạt động thanh tra chuyên ngành ATTP	65.500.000	
		Cộng:	50.250.603	
		Kinh phí tiền lương ông Trần Quốc Tuấn từ tháng 8/2019-12/2019	43.250.603	
9	Phòng Dân tộc	Kinh phí hỗ trợ người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số và Lễ, Tết truyền thống các dân tộc thiểu số.	7.000.000	
		Cộng:	273.497.348	
		Tổ chức Hội nghị tập huấn nghiệp vụ công tác tiếp công dân, xử lý đơn thư và giải quyết khiếu nại, tố cáo năm 2020	7.843.000	
10	Thanh tra huyện	Kinh phí thuê xe theo ủy nhiệm UBND huyện và tổ chức các đoàn thanh tra	20.800.000	
		Kinh phí mua trang phục Thanh tra năm 2020	51.048.000	
		Kinh phí chỉnh lý hồ sơ lưu trữ	193.806.348	
		Cộng:	1.500.157.072	
11	Phòng Tài chính - Kế hoạch	Kinh phí thực hiện đề án định hướng phát triển KT-XH huyện Long Thành đến năm 2030	1.500.157.072	
		Cộng:	121.589.400	
		Kinh phí chứng thực hộ tịch quý I/2020+IV/2019	66.914.400	

STT	ĐƠN VỊ	NỘI DUNG	SỐ TIỀN	GHI CHÚ
12	Phòng Tư pháp	Kinh phí thuê xe theo ủy nhiệm UBND huyện Hội nghị sơ kết công tác tuyên truyền Kinh phí chuẩn tiếp cận năm 2020	5.700.000 6.450.000 42.525.000	
13	Phòng Giáo dục và ĐT	Chính lý tài liệu từ năm 2019 trở về trước Cộng:	969.131.100 969.131.100	
II	ĐẢNG - ĐOÀN THỂ	Cộng:	230.310.000	
		Đại hội Đảng ủy khối Mặt trận và các đoàn thể 2020-2025	56.150.000	
		Thăm tặng quà Tết Nguyên đán đối với một số đối tượng do UBNDTTQ cấp huyện thực hiện (theo NQ 124/2014/NQ-HĐND của HĐND tỉnh)	48.500.000	
		Hỗ trợ sinh hoạt phí đối với Ủy viên UBNDTTQVN huyện (theo QĐ số 33/2014/QĐ-UBND của Thủ tướng Chính phủ)	18.720.000	
1	UBNDTTQ VN huyện	Công tác quản lý quỹ người nghèo theo công văn số 12515/UBND-KT của UBND tỉnh Hoạt động Ban tư vấn thuộc UBNDTTQVN huyện (theo Thông tư số 35/2018/TT-BTC của Bộ Tài chính)	18.723.000 18.910.000	
		Sửa xe ô tô	30.182.000	
		Sơ kết 5 năm về "Đổi mới công tác thông tin, tuyên truyền của MTTQVN"	18.100.000	
		Trang bị máy in, máy scan, phần mềm kế toán quỹ vì người nghèo Cộng:	21.025.000 124.400.000	
2	Hội Nông dân	Hội nghị "Nông dân điển hình tiên tiến" tiến tới đại hội thi đua yêu nước tỉnh Đồng Nai lần thứ VI (2020-2025) Kinh phí học tập mô hình chăn nuôi trồng trọt năm 2020 Hội nghị tổng kết 10 năm thực hiện kết luận số 61-KL/TW Cộng:	21.100.000 85.400.000 17.900.000 232.895.484	
		Hợp đồng thực hiện Đề án phụ nữ 06 tháng cuối năm 2020	153.095.484	
		Các hoạt động thực hiện Đề án phụ nữ	50.000.000	



STT	ĐƠN VỊ	NỘI DUNG	SỐ TIỀN	GHI CHÚ
3	Hội Phụ nữ	Hội nghị "Điện hình tiên tiến" tiến tới Đại hội thi đua yêu nước Hội LHPN tỉnh Đồng Nai lần thứ VI	9.800.000	
		Hội thi CLB, Chi Hội Phụ nữ 5 không 3 sạch trong công tác xây dựng Nông thôn mới nâng cao	20.000.000	
4	Hội Cựu chiến binh	Cộng:	6.500.000	
		Tổ chức thành lập Hội Hữu nghị Việt Nam - Campuchia	6.500.000	
5	Hội nhân nhân chất độc da cam	Cộng:	22.270.000	
		Hội nghị Sơ kết 5 năm thực hiện Chi thị 43/CT-TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng	22.270.000	
6	Huyện đoàn	Cộng:	334.038.451	
		Kinh phí tổ chức các hoạt động mừng Đảng, mừng xuân năm 2020	74.400.000	
		Hợp đồng thực hiện Đề án thanh niên 06 tháng cuối năm 2020	151.350.468	
		Tiền lương (tuyển công chức mới, nâng lương thường xuyên)	73.597.983	
		Thuê xe Tham gia các hoạt động cấp Tỉnh tổ chức	7.500.000	
		Tổ chức các hoạt động cấp huyện	27.190.000	
		Cộng:	55.100.000	
7	Hội Chữ Thập đỏ	Sơ kết 6 tháng đầu năm, phát động tháng nhân đạo	12.300.000	
		Kinh phí thực hiện 07 đợt hiến máu tình nguyện	30.800.000	
		Tổ chức phát gạo tại cây ATM	12.000.000	
8	Hội người mù	Cộng:	7.766.395	
		Tiền lương (nâng lương thường xuyên đối với viên chức)	7.766.395	
9	Hội Luật gia	Cộng:	5.000.000	
		Kinh phí gia hạn phần mềm kế toán và phần mềm QLTS	5.000.000	
III SỰ NGHIỆP KINH TẾ (CÁC HOẠT ĐỘNG QUY HOẠCH VÀ LƯU TRỮ)			3.146.219.857	
1	Phòng Tài nguyên và môi trường	Lập Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030, Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 huyện Long Thành	2.143.572.213	
		Biên mục hồ sơ đăng ký đất đai năm 2019	1.002.647.644	

STT	ĐƠN VỊ	NỘI DUNG	SỐ TIỀN	GHỊCHỮ
IV	SỰ NGHIỆP NÔNG NGHIỆP	Kinh phí hoạt động năm 2020	421.287.000	
		Kinh phí trang bị mới phần mềm kế toán	210.000.000	
		Kinh phí trang bị máy móc phục vụ công tác chuyên môn	12.000.000	
		Kinh phí trang bị bàn, ghế, tủ hồ sơ phục vụ công tác chuyên môn	99.902.000	
			99.385.000	
V	SỰ NGHIỆP GIAO THÔNG		1.800.000.000	
	Phòng Quản lý đô thị	Kinh phí sửa chữa nâng cấp đường Sa Cá - Bàu Tre	1.800.000.000	
VI	SỰ NGHIỆP VĂN HÓA TT		543.695.054	
		Cộng:	543.695.054	
		Tăng lương theo hệ số; Tiền công lao động trong biên chế được giao	106.334.489	
		Tăng lương theo ND 161 và HD trong biên chế	249.650.500	
1	Trung tâm Văn hóa thông tin thể thao	Trợ cấp thời việc nhân viên ban quản trang và viên chức TT.VH	116.710.065	
		Kinh phí xây mộ Liệt Sĩ và Mộ mẹ VNAH	39.000.000	
		Trợ cấp tết 2020	32.000.000	
VII	SỰ NGHIỆP PHÁT THANH		514.158.000	
		Cộng:	514.158.000	
		Sửa chữa trần nhà, máy phát sóng	138.008.000	
1	Trung tâm Văn hóa thông tin thể thao	Tăng lương theo hệ số	21.750.000	
		Mua sắm trang thiết bị phục vụ đại hội Đảng bộ huyện	354.400.000	
VIII	ĐÀM BẢO XÃ HỘI		684.500.000	
		Cộng:	684.500.000	
1	Phòng Lao động-TBXH	Mai táng phí	684.500.000	
IX	AN NINH		325.900.000	
		Cộng:	325.900.000	
1	Công an huyện	Kinh phí sửa chữa xe PCCC	325.900.000	
X	CHI KHÁC		90.000.000	



STT	ĐƠN VỊ	NỘI DUNG	SỐ TIỀN	GHI CHÚ
1	Chi cục thuế	Hỗ trợ thu hồi nợ, công tác Kiểm tra, đơn đốc thu thuế XD/CB vãng lai năm 2020	90.000.000	
TỔNG CỘNG:			17.345.384.500	

Phụ lục II

BỘ SỬNG DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2020 (ĐỢT 1)

(Đính kèm *Tờ khai* số 059/TT-TCKH ngày 17 tháng 07 năm 2020 của Phòng Tài chính Kế hoạch).

Đơn vị: Đồng.

STT	TÊN ĐƠN VỊ	NỘI DUNG	SỐ TIỀN	GHI CHÚ
1	Thị trấn Long Thành	I- Quản lý hành chính		
		Kinh phí chi trợ cấp tết năm 2020	440.031.000	
		Kinh phí tổ chức đại hội đảng nhiệm kỳ 2020-2025	71.000.000	
		Kinh phí tổ chức đại hội đảng nhiệm kỳ 2020-2025	369.031.000	
		II- Sự nghiệp kinh tế		
		Hỗ trợ thực hiện các công trình giao thông nông thôn theo hình thức XHH (Thông báo số 777/TB-HU ngày 08/4/2020 của huyện Ủy Long Thành)	1.413.920.000	
		Kinh phí hỗ trợ dịch tả lợn Châu Phi	500.000.000	
		Kinh phí hỗ trợ dịch tả lợn Châu Phi	913.920.000	
		III- Đảm bảo xã hội		
		BS kinh phí chênh lệch tiền mừng thọ theo NQ 189/2019/NQ-HĐND	58.500.000	
Kinh phí trang bị phần mềm Quản lý đối tượng Bảo trợ xã hội	41.000.000			
	17.500.000			
	Tổng cộng	1.912.451.000		
	I- Quản lý hành chính	275.007.000		
	Kinh phí chi trợ cấp tết năm 2020	75.000.000		
	Kinh phí tổ chức đại hội đảng nhiệm kỳ 2020-2025	200.007.000		
	II- Sự nghiệp kinh tế	1.093.325.000		
	Hỗ trợ thực hiện các công trình giao thông nông thôn theo hình thức XHH (Thông báo số 777/TB-HU ngày 08/4/2020 của huyện Ủy Long Thành)	500.000.000		
	Kinh phí hỗ trợ dịch tả lợn Châu Phi	593.325.000		
	III- Đảm bảo xã hội	38.500.000		
2	Tam An			

STT	TÊN ĐƠN VỊ	NỘI DUNG	SỐ TIỀN	GHI CHÚ
3	An Phước	BS kinh phí chênh lệch tiền mừng thọ theo NQ 189/2019/NQ-HĐND	21.000.000	
		Kinh phí trang bị phần mềm Quản lý đối tượng Bảo trợ xã hội	17.500.000	
		Tổng cộng	1.406.832.000	
		I- Đầu tư XD CB	1.000.000.000	
		Khen thưởng NTM nâng cao	1.000.000.000	
		II- Quản lý hành chính	1.223.819.000	
		Kinh phí chi trợ cấp tết năm 2020	82.000.000	
		Kinh phí tổ chức đại hội đảng nhiệm kỳ 2020-2025	286.439.000	
		Kinh phí duy tu sửa chữa nhà văn hóa ấp 1 và ấp 8	855.380.000	
		III- Sự nghiệp kinh tế	1.757.269.000	
Kinh phí duy tu sửa chữa hệ thống thoát nước	1.016.369.000			
Hỗ trợ thực hiện các công trình giao thông nông thôn theo hình thức XHH (Thông báo số 777/TB-HU ngày 08/4/2020 của huyện Ủy Long Thành)	500.000.000			
Kinh phí hỗ trợ dịch tả lợn Châu Phi	240.900.000			
IV- Đảm bảo xã hội	61.000.000			
BS kinh phí chênh lệch tiền mừng thọ theo NQ 189/2019/NQ-HĐND	43.500.000			
Kinh phí trang bị phần mềm Quản lý đối tượng Bảo trợ xã hội	17.500.000			
Tổng cộng	4.042.088.000			
4	Long Đức	I- Quản lý hành chính	267.043.000	
		Kinh phí chi trợ cấp tết năm 2020	71.000.000	
		Kinh phí tổ chức đại hội đảng nhiệm kỳ 2020-2025	196.043.000	
		II- Sự nghiệp kinh tế	2.915.919.000	
Hỗ trợ thực hiện các công trình giao thông nông thôn theo hình thức XHH (Thông báo số 777/TB-HU ngày 08/4/2020 của huyện Ủy Long Thành)	500.000.000			
Kinh phí hỗ trợ dịch tả lợn Châu Phi	2.415.919.000			
III- Đảm bảo xã hội	17.500.000			

STT	TÊN ĐƠN VỊ	NỘI DUNG	SỐ TIỀN	CHỈ CHU
		Kinh phí trang bị phần mềm Quản lý đối tượng Bảo trợ xã hội	17.500.000	
		Tổng cộng	3.200.462.000	
		I- Quản lý hành chính	282.434.000	
		Kinh phí chi trợ cấp tết năm 2020	57.000.000	
		Kinh phí tổ chức đại hội đảng nhiệm kỳ 2020-2025	225.434.000	
		II- Sự nghiệp kinh tế	7.509.281.000	
		Hỗ trợ thực hiện các công trình giao thông nông thôn theo hình thức XHHH (Thông báo số 777/TB-HU ngày 08/4/2020 của huyện Ủy Long Thành)	500.000.000	
		Kinh phí hỗ trợ dịch tả lợn Châu Phi	7.009.281.000	
		III- Đảm bảo xã hội	35.500.000	
		BS kinh phí chênh lệch tiền mừng thọ theo NQ 189/2019/NQ-HĐND	18.000.000	
		Kinh phí trang bị phần mềm Quản lý đối tượng Bảo trợ xã hội	17.500.000	
		Tổng cộng	7.827.215.000	
		I- Quản lý hành chính	357.951.000	
		Kinh phí chi trợ cấp tết năm 2020	130.000.000	
		Kinh phí tổ chức đại hội đảng nhiệm kỳ 2020-2025	227.951.000	
		II- Sự nghiệp kinh tế	12.331.980.000	
		Hỗ trợ thực hiện các công trình giao thông nông thôn theo hình thức XHHH (Thông báo số 777/TB-HU ngày 08/4/2020 của huyện Ủy Long Thành)	500.000.000	
		Kinh phí hỗ trợ dịch tả lợn Châu Phi	11.831.980.000	
		III- Đảm bảo xã hội	61.000.000	
		BS kinh phí chênh lệch tiền mừng thọ theo NQ 189/2019/NQ-HĐND	43.500.000	
		Kinh phí trang bị phần mềm Quản lý đối tượng Bảo trợ xã hội	17.500.000	
		Tổng cộng	12.750.931.000	
		I- Quản lý hành chính	504.601.000	
5	Lộc An			
6	Bình Sơn			

PHÒNG
QUẢN LÝ CHẾ ĐỘ
TÀI CHÍNH

STT	TÊN ĐƠN VỊ	NỘI DUNG	SỐ TIỀN	GHI CHÚ
7	Cẩm Đường	Kinh phí chi trợ cấp tết năm 2020	64.000.000	
		Kinh phí tổ chức đại hội đảng nhiệm kỳ 2020-2025	210.601.000	
		Kinh phí mua sắm tài sản	230.000.000	
		II- Sự nghiệp kinh tế	8.534.640.000	
		Hỗ trợ thực hiện các công trình giao thông nông thôn theo hình thức XHHH (Thông báo số 777/TTB-HU ngày 08/4/2020 của huyện Ủy Long Thành)	500.000.000	
		Kinh phí hỗ trợ dịch tả lợn Châu Phi	8.034.640.000	
		III- Đảm bảo xã hội	35.400.000	
		BS kinh phí chênh lệch tiền mừng thọ theo NQ 189/2019/NQ-HĐND	17.900.000	
		Kinh phí trang bị phần mềm Quản lý đối tượng Bảo trợ xã hội	17.500.000	
		Tổng cộng	9.074.641.000	
8	Bình An	I- Quản lý hành chính	333.191.000	
		Kinh phí chi trợ cấp tết năm 2020	65.000.000	
		Kinh phí xét nghiệm và đánh giá chất lượng nước sạch trên địa bàn xã ấp	20.000.000	
		Kinh phí tổ chức đại hội đảng nhiệm kỳ 2020-2025	90.000.000	
		158.191.000		
		II- Sự nghiệp kinh tế	2.753.700.000	
		Hỗ trợ thực hiện các công trình giao thông nông thôn theo hình thức XHHH (Thông báo số 777/TTB-HU ngày 08/4/2020 của huyện Ủy Long Thành)	500.000.000	
		Kinh phí hỗ trợ dịch tả lợn Châu Phi	2.253.700.000	
		III- Đảm bảo xã hội	17.500.000	
		Kinh phí trang bị phần mềm Quản lý đối tượng Bảo trợ xã hội	17.500.000	
Tổng cộng	3.104.391.000			
		I- Quản lý hành chính	314.517.000	
		Kinh phí chi trợ cấp tết năm 2020	85.000.000	
		Kinh phí tổ chức đại hội đảng nhiệm kỳ 2020-2025	229.517.000	

STT	TÊN ĐƠN VỊ	NỘI DUNG	SỐ TIỀN	CHI CHI
9	Long An	<p>II- Sự nghiệp kinh tế</p> <p>Hỗ trợ thực hiện các công trình giao thông nông thôn theo hình thức XHH (Thông báo số 777/TB-HU ngày 08/4/2020 của huyện Ủy Long Thành)</p> <p>Kinh phí hỗ trợ dịch tả lợn Châu Phi</p> <p>III- Đảm bảo xã hội</p> <p>BS kinh phí chênh lệch tiền mừng thọ theo NQ 189/2019/NQ-HĐND</p> <p>Kinh phí trang bị phần mềm Quản lý đối tượng Bảo trợ xã hội</p> <p>Tổng cộng</p> <p>I- Đầu tư XD CB</p> <p>Khen thưởng NTM nâng cao</p> <p>I- Quản lý hành chính</p> <p>Kinh phí chi trợ cấp tết năm 2020</p> <p>Kinh phí tổ chức đại hội đảng nhiệm kỳ 2020-2025</p>	<p>4.442.350.000</p> <p>500.000.000</p> <p>3.942.350.000</p> <p>40.600.000</p> <p>23.100.000</p> <p>17.500.000</p> <p>4.797.467.000</p> <p>1.000.000.000</p> <p>1.000.000.000</p> <p>297.372.000</p> <p>85.000.000</p> <p>212.372.000</p>	
10	Long Phước	<p>II- Sự nghiệp kinh tế</p> <p>Hỗ trợ thực hiện các công trình giao thông nông thôn theo hình thức XHH (Thông báo số 777/TB-HU ngày 08/4/2020 của huyện Ủy Long Thành)</p> <p>Kinh phí hỗ trợ dịch tả lợn Châu Phi</p> <p>III- Đảm bảo xã hội</p> <p>BS kinh phí chênh lệch tiền mừng thọ theo NQ 189/2019/NQ-HĐND</p> <p>Kinh phí trang bị phần mềm Quản lý đối tượng Bảo trợ xã hội</p> <p>Tổng cộng</p> <p>I- Quản lý hành chính</p> <p>Kinh phí chi trợ cấp tết năm 2020</p> <p>Kinh phí tổ chức đại hội đảng nhiệm kỳ 2020-2025</p>	<p>8.743.425.000</p> <p>500.000.000</p> <p>8.243.425.000</p> <p>73.600.000</p> <p>56.100.000</p> <p>17.500.000</p> <p>10.114.397.000</p> <p>311.469.000</p> <p>85.000.000</p> <p>226.469.000</p> <p>91.408.761.500</p>	



STT	TÊN ĐƠN VỊ	NỘI DUNG	SỐ TIỀN	GHI CHÚ
11	Bầu Cạn	Hỗ trợ thực hiện các công trình giao thông nông thôn theo hình thức XHHH (Thông báo số 777/TB-HU ngày 08/4/2020 của huyện Ủy Long Thành)	500.000.000	
		Kinh phí hỗ trợ dịch tả lợn Châu Phi	90.908.761.500	
		III- Đảm bảo xã hội	41.100.000	
		BS kinh phí chênh lệch tiền mừng thọ theo NQ 189/2019/NQ-HĐND	23.600.000	
		Kinh phí trang bị phần mềm Quản lý đối tượng Bảo trợ xã hội	17.500.000	
		Tổng cộng	91.761.330.500	
		I- Quản lý hành chính	266.285.000	
		Kinh phí chi trợ cấp tết năm 2020	99.000.000	
		Kinh phí tổ chức đại hội đảng nhiệm kỳ 2020-2025	167.285.000	
		II- Sự nghiệp kinh tế	6.114.440.000	
		12	Tân Hiệp	Hỗ trợ thực hiện các công trình giao thông nông thôn theo hình thức XHHH (Thông báo số 777/TB-HU ngày 08/4/2020 của huyện Ủy Long Thành)
Kinh phí hỗ trợ dịch tả lợn Châu Phi	5.614.440.000			
III- Đảm bảo xã hội	41.900.000			
BS kinh phí chênh lệch tiền mừng thọ theo NQ 189/2019/NQ-HĐND	24.400.000			
Kinh phí trang bị phần mềm Quản lý đối tượng Bảo trợ xã hội	17.500.000			
Tổng cộng	6.422.625.000			
I- Quản lý hành chính	250.119.000			
Kinh phí chi trợ cấp tết năm 2020	73.000.000			
Kinh phí tổ chức đại hội đảng nhiệm kỳ 2020-2025	177.119.000			
II- Sự nghiệp kinh tế	2.502.225.000			
Hỗ trợ thực hiện các công trình giao thông nông thôn theo hình thức XHHH (Thông báo số 777/TB-HU ngày 08/4/2020 của huyện Ủy Long Thành)	500.000.000			
13	Phước Thái	Kinh phí hỗ trợ dịch tả lợn Châu Phi	2.002.225.000	
		III- Đảm bảo xã hội	50.700.000	

STT	TÊN ĐƠN VỊ	NỘI DUNG	SỐ TIỀN	GHI CHÚ
		BS kinh phí chênh lệch tiền mừng thọ theo NQ 189/2019/NQ-HĐND	33.200.000	
		Kinh phí trang bị phần mềm Quản lý đối tượng Bảo trợ xã hội	17.500.000	
		Tổng cộng	2.803.044.000	
		I- Quản lý hành chính	291.409.000	
		Kinh phí chi trợ cấp tết năm 2020	58.000.000	
		Kinh phí tổ chức đại hội đảng nhiệm kỳ 2020-2025	233.409.000	
		II- Sự nghiệp kinh tế	4.636.300.000	
		Hỗ trợ thực hiện các công trình giao thông nông thôn theo hình thức XHH (Thông báo số 777/TB-HU ngày 08/4/2020 của huyện Ủy Long Thành)	500.000.000	
		Kinh phí hỗ trợ dịch tả lợn Châu Phi	4.136.300.000	
		III- Đảm bảo xã hội	47.700.000	
		BS kinh phí chênh lệch tiền mừng thọ theo NQ 189/2019/NQ-HĐND	30.200.000	
		Kinh phí trang bị phần mềm Quản lý đối tượng Bảo trợ xã hội	17.500.000	
		Tổng cộng	4.975.409.000	
		Tổng cộng	164.193.283.500	
14	Phước Bình			